

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **414/2023/DS-ST**;  
Ngày: 19/9/2023.

*Về việc “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng và hợp đồng thế chấp  
T sản”.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Minh Quân;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Thuần;

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo:** không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 256/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp T sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S..**

Địa chỉ: 266 – 268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh **Nguyễn Minh T1** – sinh năm 1975, chức vụ Trưởng Phòng Giao dịch Gò Công thuộc chi nhánh Tiền Giang (theo Quyết định ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S.);

Địa chỉ: 318, Võ Duy Linh, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

\* Bị đơn: **1. Anh Lưu Tấn T** – sinh năm 1986;

**2. Chị Nguyễn Thị Tuyết V** – sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp BH, xã LBĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T1, anh T, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Nguyễn Minh T1 trình bày:*

Anh Lưu Tấn T và chị Nguyễn Thị Tuyết V có vay tiền của Ngân hàng TMCP S. – Phòng Giao dịch Gò Công thuộc Chi nhánh Tiền Giang (gọi tắt là Ngân hàng) theo 02 hợp đồng tín dụng như sau:

1. Khoản vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán xe gắn máy và dịch vụ cầm đồ:

Hợp đồng tín dụng số 202226619382 ký ngày 27/4/2022, hợp đồng hạn mức 12 tháng, số tiền vay 1.900.000.000 đồng, kỳ hạn vay là 06 tháng mỗi lần. Sau khi ký hợp đồng, anh T, chị V đã có nhận tiền và thanh toán xong; đến ngày 03/11/2022 anh T, chị V vay tiếp theo hợp đồng trên và có ký nhận số tiền 1.900.000.000 đồng, đáo hạn vào ngày 03/5/2023, lãi suất thỏa thuận là 16%/năm.

Để đảm bảo khoản vay trên, anh T, chị V đã thế chấp các tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 202226619382 ngày 27/4/2022, T sản cụ thể như sau:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 534, tờ bản đồ số 16, diện tích 120m<sup>2</sup> tại ấp Bình Hòa, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02823 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 09/4/2015 cho anh Lưu Tấn T và chị Nguyễn Thị Tuyết V.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 532, tờ bản đồ số 16, diện tích 501,3m<sup>2</sup> tại ấp Bình Hòa, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS27325 do Sở T nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/7/2017 cho ông Nguyễn Tấn Hùng, chuyển nhượng cho anh Lưu Tấn T và chị Nguyễn Thị Tuyết V theo hồ sơ số 005364 ngày 13/10/2021.

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 624, tờ bản đồ số 14, diện tích 74,9m<sup>2</sup> tại ấp Bình Hòa, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS26552 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/6/2016 cho anh Lưu Tấn T và chị Nguyễn Thị Tuyết V.

Quá trình vay vốn từ ngày 03/11/2022, anh T, chị V đã thanh toán tiền lãi đến 28/4/2023 là 152.270.698 đồng thì ngưng luôn đến nay. Tính đến ngày 05/9/2023, anh T, chị V còn nợ lại Ngân hàng tiền vốn gốc 1.900.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 4.502.726 đồng, tiền lãi quá hạn là 168.852.739 đồng

và lãi chậm trả là 154.202 đồng, tổng cộng là 2.073.509.667 đồng.

2. Khoản vay thẻ tín dụng:

Ngày 09/02/2021, anh T ký kết với Ngân hàng hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1681058 hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,217%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, đến ngày 15/5/2023 anh T đã sử dụng 49.800.000 đồng trong thẻ, tiền lãi là 25.330.176 đồng, tiền phí là 2.236.000 đồng; ông T đã thanh toán cho Ngân hàng 31.467.680 đồng, gồm tiền vốn 1.751.198 đồng, tiền lãi và phí là 29.716.482 đồng, dư nợ, lãi và phí đến ngày 15/5/2023 là 45.258.802 đồng. Tính đến ngày 05/9/2023, tổng số dư nợ, lãi và phí trong thẻ anh T còn nợ Ngân hàng 49.473.687 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, chị V hoàn trả hai khoản nợ nêu trên tổng cộng là 2.122.983.354 đồng (tiền lãi cả hai khoản tính đến ngày 05/9/2023), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày Tòa xét xử đến ngày anh T, chị V trả hết nợ. Nếu anh T, chị V không thực hiện trả nợ, yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*\* Tại bản tự khai ngày 05/9/2023 và biên bản hòa giải, bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:*

Chị V thống nhất vợ chồng chị và anh T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 05/9/2023 tổng cộng là 2.122.983.354 đồng như đại diện Ngân hàng trình bày. Chị V thống nhất trả hết số nợ trên khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu không trả được nợ, chị đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thi hành án.

*\* Tại bản tự khai ngày 05/9/2023, bị đơn anh Lưu Tấn T trình bày:*

Ngày 27/4/2022, vợ chồng anh và chị V có ký hợp đồng tín dụng số 202226619382 vay số tiền 1.900.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP S. – Phòng Giao dịch Gò Công thuộc Chi nhánh Tiền Giang. Hiện tại anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang, nên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng với Ngân hàng. Anh đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải và xét xử tại Tòa án các cấp.

*\* Tại phiên tòa:*

- Đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Minh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh T, chị V trả số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 19/9/2023, cụ thể: khoản vay thứ nhất vốn gốc là 1.900.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 4.502.726 đồng, tiền lãi quá hạn là 187.764.246 đồng và lãi chậm trả là 171.473 đồng, tổng cộng là 2.092.438.445 đồng; khoản vay thứ hai nợ thẻ tín dụng là 50.162.437 đồng, gồm dư nợ đầu kỳ 45.258.802 đồng, lãi quá hạn là 4.903.635 đồng. Tổng cộng vốn và lãi cả hai khoản vay là 2.142.600.882 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T, chị V tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn và các loại phí từ sau ngày xét xử 19/9/2023 đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202226619382 ký ngày 17/4/2022 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 1681058 ngày 09/02/2021. Nếu

anh T, chị V không thực hiện trả nợ, yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 202226619382 ngày 27/4/2022 để thu hồi nợ.

- Bị đơn anh Lưu Tân T và chị Nguyễn Thị Tuyết V có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua xem xét lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Lưu Tân T, chị Nguyễn Thị Tuyết V trả số tiền vốn, tiền lãi và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Bộ luật Dân sự cùng các quy định pháp luật khác có liên quan. Bị đơn cư trú tại huyện Chợ Gạo, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về tố tụng: Người đại diện của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với người đại diện của nguyên đơn và các bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền vay, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Hợp đồng tín dụng số 202226619382 ngày 27/4/2022 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1681058 ngày 09/02/2021 do nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận ký kết bởi những người có thẩm quyền, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện khi giao kết hợp đồng, hình thức và nội dung hợp đồng không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Bên bị đơn cũng thừa nhận có ký kết các hợp đồng này, đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1681058 ngày 09/02/2021 chỉ có một mình anh T đứng tên chủ thẻ, nhưng chị V xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Nên xác định các hợp đồng tín dụng này hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên phải thực hiện trách nhiệm theo cam kết.

[3.2] Đối với hợp đồng tín dụng số 202226619382 ký ngày 27/4/2022, anh T, chị V ký nhận số tiền 1.900.0000.000 đồng vào ngày 03/11/2022, lãi suất thỏa thuận là 16%/năm, nợ quá hạn bằng 150% của nợ trong hạn, đáo hạn vào ngày 03/5/2023. Quá trình vay vốn từ ngày 03/11/2022, anh T, chị V đã thanh toán tiền lãi đến 03/5/2023 là 152.270.698 đồng thì ngưng luôn đến nay là vi phạm thỏa thuận tại Điều 8, Điều 10 của Hợp đồng tín dụng và mục 2 các điều khoản chung về cấp tín dụng của Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 19/9/2023 số tiền nợ vốn gốc 1.900.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 4.502.726 đồng, tiền lãi quá hạn 187.764.246 đồng và lãi chậm trả 171.473 đồng, tổng cộng 2.092.438.445 đồng.

[3.3] Đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1681058 ngày 09/02/2021, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,217%/tháng, nợ quá hạn bằng 150% của nợ trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng anh T đã sử dụng 49.800.000 đồng trong thẻ, tiền lãi là 25.330.176 đồng, tiền phí là 2.236.000 đồng; anh T đã thanh toán cho Ngân hàng 31.467.680 đồng, gồm tiền vốn 1.751.198 đồng, tiền lãi và phí là 29.716.482 đồng; dư nợ, lãi và phí đến ngày 15/5/2023 là 45.258.802 đồng thì ngưng luôn đến nay là vi phạm thỏa thuận tại Điều 18, Điều 19 và Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Tính đến ngày 19/9/2023, dư nợ quá hạn 45.258.802 đồng, lãi quá hạn là 4.903.635 đồng, tổng cộng là 50.162.437 đồng.

[3.4] Cả hai khoản nợ, anh T, chị V thực hiện hợp đồng tính đến ngày 19/9/2023 còn nợ Ngân hàng 2.142.600.882 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, chị V trả hết số nợ trên, đồng thời yêu cầu anh T, chị V tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn và các loại phí từ sau ngày xét xử 19/9/2023 đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202226619382 ký ngày 17/4/2022 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 1681058 ngày 09/02/2021 là phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản bảo đảm:

[4.1] Về hiệu lực hợp đồng thế chấp tài sản số 202226619382 ngày 27/4/2022: Bên nhận thế chấp do người có thẩm quyền và bên thế chấp đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự ký kết tự nguyện, bảo đảm thủ tục công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên phải thực hiện trách nhiệm theo cam kết.

[4.2] Về tài sản thế chấp: Anh T, chị V đã đăng ký thế chấp các tài sản theo hợp đồng thế chấp số 202226619382 ngày 27/4/2022 như sau:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 534, tờ bản đồ số 16, diện tích 120m<sup>2</sup> tại ấp Bình Hòa, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02823 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 09/4/2015 cho ông Lưu Tấn T và bà Nguyễn Thị Tuyết V.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 532, tờ bản đồ số 16, diện tích 501,3m<sup>2</sup> tại ấp Bình Hòa, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS27325 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/7/2017 cho ông Nguyễn Tấn Hùng, chuyển nhượng cho ông Lưu Tấn T và bà Nguyễn Thị Tuyết V theo hồ sơ số 005364 ngày 13/10/2021.

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 624, tờ bản đồ số 14, diện tích 74,9m<sup>2</sup> tại ấp Bình Hòa, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS26552 do



Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/6/2016 cho ông Lưu Tấn T và bà Nguyễn Thị Tuyết V.

[4.3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Ngân hàng yêu cầu nếu anh T, chị V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 202226619382 ngày 27/4/2022 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1681058 ngày 09/02/2021 khi án có hiệu lực pháp luật thì xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 6, Điều 9 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 202226619382 ngày 27/4/2022 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 299, Điều 303, Điều 318; khoản 6 Điều 320 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ; nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả của các hợp đồng tín dụng là 74.852.000 đồng, và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với hợp đồng thế chấp tài sản là 300.000 đồng theo quy định pháp luật. Tổng cộng là 75.152.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 299, Điều 303, Điều 318, khoản 6 Điều 320, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

**1.** Buộc anh Lưu Tấn T và chị Nguyễn Thị Tuyết V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S. đối với hợp đồng tín dụng số 202226619382 ngày 27/4/2022, tiền vốn và lãi tính đến ngày 19/9/2023 là 2.092.438.445 đồng (*Hai tỷ, không trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng*), trong đó tiền nợ vốn gốc 1.900.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 4.502.726 đồng, tiền lãi quá hạn 187.764.246 đồng và lãi chậm trả 171.473 đồng.

**2.** Buộc anh Lưu Tấn T và chị Nguyễn Thị Tuyết V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S. đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1681058 ngày 09/02/2021, tiền vốn và lãi tính đến ngày 19/9/2023 là 50.162.437 đồng (*Năm mươi triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng*), trong đó dư nợ quá hạn 45.258.802 đồng, lãi quá hạn 4.903.635 đồng.

**3.** Kể từ ngày 20/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Lưu Tấn T và chị Nguyễn Thị Tuyết V còn phải tiếp tục trả lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong từng hợp đồng (hợp đồng tín dụng số 202226619382 ngày 27/4/2022 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1681058 ngày 09/02/2021). Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay, thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

4. Trường hợp anh Lưu Tân T và chị Nguyễn Thị Tuyết V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 202226619382 ngày 27/4/2022 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1681058 ngày 09/02/2021, Ngân hàng TMCP S. có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202226619382 ngày 27/4/2022 để thu hồi nợ.

**5. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Anh Lưu Tân T và chị Nguyễn Thị Tuyết V phải chịu 75.152.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu, một trăm năm mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S. số tiền tạm ứng án phí 35.656.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai số 0026015 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CC.THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trịnh Minh Quân**